

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 16-5-2022
V/v tranh chấp nợ hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở

Bà Trần Thị Chiếm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp nợ hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phương K, sinh năm 1953; cư trú tại: khu phố B, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Trường C, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố N, Phường Q, thành phố T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Thị N, sinh năm 1950; cư trú tại: Số 102/21 Tổ 8, Đường H, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Bé R, sinh năm 1954 (vợ của ông K); Cư trú tại: khu phố B, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà R: Ông Đặng Trường C, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố N, Phường Q, thành phố T, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

1. Bà Đoàn Thị K, sinh năm 1979; cư trú tại: Đường H, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966; cư trú tại: Đường N, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà N, ông C, ông L, bà K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2021 của ông Nguyễn Phương K và lời trình bày của ông Đặng Trường C là người đại diện theo ủy quyền cho ông K trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Do chỗ lối xóm quen biết nhau, ông K có tham gia chơi hội do bà Hồ Thị N làm chủ hội. Tổng cộng ông K tham gia 02 dây hội như sau:

- Dây thứ nhất: mở ngày 30/7/2019, ngày mãn là 30/5/2021, tổng cộng có 23 hội viên, hội 2.000.000 đồng/tháng; 01 tháng khui 01 lần, quy định mức bỏ hội thấp nhất là 400.000 đồng, hốt chót là 46.000.000 đồng, trừ đầu thảo 400.000 đồng, còn lại là 45.600.000 đồng. Ông K đã đóng hội cho bà N được 21 phần x 2.000.000 đồng/phần = 42.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: mở ngày 10/7/2020, ngày mãn là 10/3/2022, tổng cộng có 21 hội viên, hội 1.000.000 đồng/tháng; 01 tháng khui 01 lần, quy định mức bỏ hội thấp nhất là 200.000 đồng, hốt chót là 21.000.000 đồng, trừ đầu thảo 200.000 đồng, còn lại là 20.800.000 đồng. Ông K đã đóng hội cho bà N được 09 phần x 1.000.000 đồng/phần = 9.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hội ông K tham gia do bà N làm chủ hội thì ông K được số tiền 51.000.000 đồng.

Đến khoảng ngày 18/4/2021, ông K hỏi bà N tháng 4 năm 2021 khui hội lúc nào để ông K tham gia bỏ hội hốt. Khi đó, bà N thông báo đã bỏ hội mấy tháng rồi không khui hội nữa. Khi đó, ông K tìm hiểu thì biết được mấy hội viên khác tham gia cùng dây hội với ông K vào mấy tháng trước bà N cũng tuyên bố bỏ hội không giao tiền cho người hốt nhưng bà N vẫn thu tiền hội chết, hội còn sống của những hội viên không biết vụ bỏ hội cho đến nay.

Các dây hội đều gần mãn nên bà N phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông K như tiền hội chết. Do bà N đã vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ chơi hội nên ông K yêu cầu bà N phải trả cho ông K một lần số tiền hội chết là 51.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Hồ Thị N trình bày:

Bà N thừa nhận lời trình bày của ông K về thời điểm mở hội và mãn hội của hai dây hội cùng số thành viên tham gia chơi hội như ông K nêu. Tuy nhiên, bà N không thống nhất về thời gian bỏ hội, cụ thể: dây hội mở ngày 30/7/2019 (số tiền 2.000.000 đồng), ông K chỉ đóng hội sống tới phần thứ 19 là hội đã bị bỏ; còn dây hội mở ngày 10/7/2020 (số tiền 1.000.000 đồng), ông K chỉ đóng hội sống được tới phần thứ 08/21 phần thì hội bị bỏ. Nay bà N đồng ý trả lại cho ông K số tiền hội gốc mà ông K đã đóng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bản tường trình ngày 08/10/2021 ghi thời gian bỏ hội vào tháng 3 năm 2021 là nhầm lẫn vì việc bỏ hội xảy ra vào tháng 02 năm 2021 do sau khi khui hội của tháng 02 thì một số

người không đóng hụi nên bề hụi. Sau khi xảy ra sự cố bề hụi, bà N lo sợ nên không dám thông báo với các hụi viên. Sau đó, khoảng tháng 4 năm 2021, ông K có gặp bà N và yêu cầu bà N xác nhận nợ. Tờ xác nhận nợ hụi ngày 22/4/2021 thể hiện bà N có nợ tiền hụi gốc của ông K là 34.500.000 đồng là do chính ông K viết còn bà N ký tên và ghi họ tên. Sau khi viết xong, ông K đã người giữ tờ giấy này.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông K, bà N chỉ đồng ý trả số tiền nợ cho ông K theo giấy xác nhận nợ hụi ngày 22/4/2021 và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay, hoàn cảnh của bà N rất khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và nhiều người không đóng hụi nên bà N xin trả dần số nợ còn thiếu cho ông K.

Ông Đặng Trường C đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bé R trình bày: Bà R là vợ của ông K, bà R thống nhất ý kiến của ông K và cam kết quyền lợi của ông K trong hai dây hụi mở ngày 30/7/2019 và mở ngày 10/7/2020 là tài sản riêng của ông K.

Tranh chấp của các đương sự đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Ông Đặng Trường C đại diện cho nguyên đơn ông Nguyễn Phương K xác định nguyên đơn đã tham gia chơi hụi do bị đơn là chủ hụi nhiều năm nay; việc giao kết hụi giữa các bên là hụi có lãi nhưng không xác định được cụ thể lãi suất là bao nhiêu mà lãi là số tiền do các hụi viên bỏ hụi hàng tháng, nguyên đơn cũng không biết rõ họ tên và danh sách hụi viên của dây hụi mở ngày 30/7/2019 và 10/7/2020; việc tham gia hụi giữa các bên theo thói quen và không có lập thành văn bản, khi đóng hụi và giao nhận tiền đều không có ký nhận nhưng bà N có sổ ghi chép theo dõi, danh sách hụi viên là do bà N phô-tô đưa cho ông K giữ; ông K có thói quen chờ hụi gần mãn mới hốt nên không quan tâm việc bỏ hụi hàng tháng của các hụi viên, bà N thông báo bao nhiêu tiền thì ông K sẽ đóng bấy nhiêu. Tờ giấy ngày 22/4/2021 có nội dung xác định nợ hụi gốc với số tiền 34.500.000 đồng là ông K viết, bà N ký tên và ghi họ tên vào rồi đưa ông K giữ. Tuy nhiên, đó không phải là sự thỏa thuận chốt nợ sau khi bề hụi giữa hai bên mà là do bà N đọc cho ông K viết để làm tin.

Người làm chứng bà Đoàn Thị K trình bày: Bà K quen biết với ông K và bà N do chơi hụi chung nhiều năm nay. Đối với 02 dây hụi do ông K khởi kiện bà N thì bà K chỉ tham gia dây hụi mở ngày 30/7/2019 được hai phần hụi, một phần hụi đã hốt (còn lại là hụi chết) và một phần hụi chưa hốt (còn gọi là hụi sống). Đối với phần hụi chết, lúc đó bà N kêu là đang khó khăn nên xin bỏ hụi và mượn phần hụi này của bà K, khi đó bà K bỏ hụi lần thứ 18 và bỏ 500.000 đồng là được hốt. Bà N cũng đã giao cho bà K được 14.000.000 đồng, còn lại hai bên đã có chốt nợ với nhau. Sau khi bà K hốt hụi thì bà K chỉ đóng thêm 01 tháng hụi nữa là hụi bị bề. Hụi giữa các bên là hụi có lãi nhưng lãi không cố định. Đối với hụi 2.000.000 đồng thì khi hốt hụi, chủ hụi sẽ được hưởng 1.000.000 đồng, hụi 1.000.000 đồng thì chủ hụi hưởng được 500.000 đồng. Theo thói quen, việc tham gia chơi hụi giữa các hụi

viên từ trước đến nay không có ký nhận gì mà dựa vào sự tin tưởng lẫn nhau. Bà K không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông L gọi bà N là mẹ đỡ đầu. Ông L quen biết bà N và ông K do ông L ở gần nhà bà N. Lúc trước, ông L có giúp đỡ bà N lập sổ sách theo dõi hội, có khi đi gom hội và giao hội giúp bà N. Việc tham gia hội giữa các bên chủ yếu do tình làng nghĩa xóm, tương trợ giúp đỡ nhau làm ăn, khi đóng hội và giao hội đều không có ký nhận gì cả mà thực hiện theo sổ sách do bà N lập. Dịch bệnh Covid-19 khiến nhiều người mất thu nhập nên hốt hội rồi mà không đóng hội lại cho bà N mới xảy ra sự việc bể hội này, bà N cũng mất khả năng choàng hội. Sau khi xảy ra bể hội thì bà N không còn gom hội của ai nữa. Hiện nay, hoàn cảnh của bà N rất khó khăn nên đề nghị ông K xem xét cho bà N trả dần nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự, người làm chứng tại phiên tòa có căn cứ xác định giữa ông K và bà N có xác lập giao dịch hội gồm hai dây hội mở ngày 30/7/2019 và 10/7/2020 do bà N làm chủ hội. Các đương sự trình bày thống nhất về số dây hội và số hội viên trong từng dây hội và thừa nhận việc xác lập giao dịch hội giữa các bên không có việc ký nhận khi gom hội cũng như khi giao hội, việc bỏ hội để hốt có khi thực hiện trực tiếp hoặc qua điện thoại, xác định hai dây hội đã chấm dứt do bể hội. Nguyên đơn cho rằng đối với dây hội mở ngày 30/7/2019, nguyên đơn đã đóng hội được 21/23 phần và dây hội mở ngày 10/7/2020, nguyên đơn đã đóng được 09/21 phần. Tuy nhiên, bị đơn xác định đối với dây hội mở ngày 30/7/2019, nguyên đơn chỉ đóng hội sống đến phần thứ 19/23, dây hội mở ngày 10/7/2020, nguyên đơn chỉ đóng hội sống đến phần thứ 08/21. Căn cứ lời trình bày của người làm chứng và sổ sách do bị đơn theo dõi có cơ sở xác định việc bể hội xảy ra vào tháng 02 năm 2021, chứ không phải tháng 4 năm 2021 như nguyên đơn nêu. Tờ giấy đề ngày 22/4/2021 thể hiện bà N có nợ ông K số tiền hội gốc 34.500.000 đồng đã xác định hai bên có chót nợ với nhau sau khi bể hội và đây căn cứ để giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ và Điều 471 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ hội gốc là 34.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Phương K khởi kiện tranh chấp nợ hội với bà Hồ Thị N, cư trú tại Phường X, thành phố T. Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1

Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Các đương sự trình bày thống nhất về thời gian mở hội, thời gian mãn hội, về số dây hội, về hội viên của từng dây hội, xác định hội có lãi và lãi không cố định; xác định việc kết thúc hội là do bể hội chứ không phải mãn hội; đồng thời các bên xác định việc tham gia chơi hội giữa các bên đã diễn ra từ nhiều năm nay, được thực hiện theo thói quen nên khi đóng hội và giao hội đều không có ký nhận giữa các bên; cả hai dây hội mở ngày 20/7/2019 (hội 2.000.000 đồng) và mở ngày 10/7/2020 (hội 1.000.000 đồng) nguyên đơn đều chưa hót hội. Bị đơn là chủ hội và có mở sổ theo dõi hội viên, theo dõi số tiền bỏ hội và số thứ tự hót hội của các hội viên. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là những tình tiết không phải chứng minh.

[2.2] Các đương sự không thống nhất nhau về thời gian bể hội và số tiền nợ hội phải thanh toán, cụ thể:

[2.2.1] Về thời gian bể hội: Đại diện nguyên đơn xác định dây hội mở ngày 30/7/2019, nguyên đơn đã đóng hội được 21/23 phần và dây hội mở ngày 10/7/2020, nguyên đơn đã đóng hội được 09/21 phần (tức là cả hai dây hội này nguyên đơn đã đóng hội sống được tới hết tháng 3 năm 2021). Đại diện nguyên đơn xác định việc đóng hội sống và gom hội giữa các hội viên và chủ hội không có lập thành văn bản ký nhận mà chỉ do bị đơn ghi sổ theo dõi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp dựa trên lời trình bày của đương sự và người làm chứng để xác định thời gian bể hội. Tại sổ theo dõi hội của bị đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện bị đơn có ghi chú việc bỏ hội của từng hội viên trong các dây hội. Đối với dây hội mở ngày 30/7/2019, thể hiện việc bỏ hội để hót hội đến lần thứ 19 (nhằm ngày 30/01/2021), người bỏ hội tên “H”, đã bỏ hội là 500.000 đồng; dây hội mở ngày 10/7/2020, thể hiện việc bỏ hội để hót hội đến lần thứ 08 (nhằm ngày 10/02/2021), người bỏ hội tên “T”, đã bỏ hội là 280.000 đồng. Tại phiên tòa, người làm chứng bà Đoàn Thị K cũng xác định bà K tham gia hai phần hội của dây hội mở ngày 30/7/2019, bà K (trong danh sách hội ghi tên “G”) có cho bà N mượn phần hội thứ nhất (đối chiếu sổ hội do bà N lập thì bà K là người thứ 18 hót phần hội thứ nhất trong hai phần hội mà bà K đã tham gia) và sau đó bà K chỉ đóng hội thêm một tháng nữa thì hội bể. Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của bà N về việc các dây hội bị bể vào tháng 02 năm 2021 và không có gom tiền hội của các hội viên là có cơ sở chấp nhận.

[2.2.2] Về số tiền nợ hội phải thanh toán: Đại diện nguyên đơn xác định việc tham gia chơi hội do bị đơn làm chủ hội là hội có lãi, tuy nhiên lãi không cố định mà lãi được xác định dựa trên số tiền các hội viên bỏ hội hàng tháng để được hót hội. Do nguyên đơn tham gia hội đã gần mãn nên khi bể hội, bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hội như là nguyên đơn hót hội chót, theo đó: dây hội mở ngày 30/7/2019, nguyên đơn đã đóng 21 phần/23 phần x 2.000.000 đồng = 42.000.000 đồng; dây hội mở ngày 10/7/2020, nguyên đơn đã đóng 09 phần/21 phần = 9.000.000

đồng, tổng cộng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 51.000.000 đồng. Căn cứ số theo dõi hui của bị đơn thể hiện:

- Dây hui mở ngày 30/7/2019 (hui 2.000.000 đồng), người bỏ hui lần 01 là “2 H” với số tiền 660.000 đồng, các hui viên còn lại trong đó có ông K sẽ đóng hui là 1.340.000 đồng; người bỏ hui lần 02 là “3 B” với số tiền 720.000 đồng, “02 H” đã hót hui (hui chết) nên phải đóng hui là 2.000.000 đồng, các hui viên còn lại trong đó có ông K chưa hót hui (hui sống) sẽ đóng hui là 1.280.000 đồng, tương ứng theo sổ hui do bà N cung cấp và thừa nhận của ông K thì phần hui của nguyên đơn là hui sống và ông K đóng hui 19 lần với số tiền tương ứng lần lượt là 1.340.000 đồng, 1.280.000 đồng, 1.280.000 đồng, 1.320.000 đồng, 1.270.000 đồng, 1.400.000 đồng, 1.540.000 đồng, 1.470.000 đồng, 1.500.000 đồng, 1.480.000 đồng, 1.480.000 đồng, 1.550.000 đồng, 1.500.000 đồng, 1.450.000 đồng, 1.450.000 đồng, 1.300.000 đồng, 1.500.000 đồng, 1.500.000 và 1.500.000 đồng, tổng cộng ông K chỉ đóng 27.110.000 đồng chứ không có việc ông K đóng 42.000.000 đồng (21 phần x 2.000.000đ/phần) như trình bày của ông K.

- Dây hui mở ngày 10/7/2020, người bỏ hui lần 01 là “3 B” với số tiền 270.000 đồng, các hui viên còn lại trong đó có ông K sẽ đóng hui là 730.000 đồng; người bỏ hui lần 02 là “3 N” với số tiền 335.000 đồng, “3 B” đã hót hui nên phải đóng hui là 1.000.000 đồng, các hui viên còn lại trong đó có ông K chỉ đóng có 665.000 đồng. Đối với dây hui này, ông K chỉ đóng hui 08 lần với số tiền tương ứng lần lượt là 730.000 đồng, 665.000 đồng, 650.000 đồng, 685.000 đồng, 660.000 đồng, 650.000 đồng, 600.000 đồng, 720.000 đồng, tổng cộng ông K đóng 5.360.000 đồng chứ không có việc ông K đóng 9.000.000 đồng (09 phần x 1.000.000đ/phần) như ông K trình bày.

Theo đó, hai dây hui do bà N làm chủ hui mà ông K đã tham gia và đã đóng hui tổng cộng là 32.470.000 đồng. Tại Tờ xác nhận nợ hui ngày 22/4/2021, bà N thừa nhận còn nợ ông K số tiền hui gốc của hai dây hui là 34.500.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ là 51.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã đóng hui cho bị đơn với số tiền 51.000.000 đồng nên căn cứ vào thừa nhận của bị đơn tại Tờ giấy chốt nợ hui ngày 21/4/2021 để xem xét. Nội dung tờ giấy chốt nợ hui ngày 22/4/2021 thể hiện “Tôi tên Hồ Thị N S năm 1950 hiện ngụ nhà số X, Đường H, Phường X, TPTALA. Tôi có thiếu tiền hui ông Nguyễn Phương K sinh năm 1953 hiện ngụ tại P4, TP T, Long An số tiền 34.500.000 đồng. Đây là tiền hui xin trả vốn lại cho ông K (Ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn)”.

Theo quy định của pháp luật, việc tổ chức hui chỉ được thực hiện nhằm mục đích tương trợ lẫn nhau giữa những người tham gia quan hệ về hui, không được tổ chức hui để cho vay lãi nặng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản, huy động vốn trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác. Việc tham gia hui của các đương sự là hui có lãi và lãi suất phải được điều chỉnh theo quy định của pháp luật. Do các đương sự thừa nhận hui có lãi nhưng không xác định được mức lãi suất hoặc mức lãi suất vượt quá quy định, do đó áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 21 và 22 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biếu, phưởng xác định lãi suất hui của các bên là

10%/năm và được xác định kể từ ngày hai bên chốt nợ hui. Theo đó, số tiền lãi được tính như sau: $10\%/năm \times 01 \text{ năm } 21 \text{ ngày} \times 34.500.000 \text{ đồng} = 304.041 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng số tiền nợ hui bà N phải trả cho ông K là $34.500.000 \text{ đồng} + 304.041 \text{ đồng} = 34.804.041 \text{ đồng}$.

[3] Xét yêu cầu trả dần nợ vay của bị đơn thấy rằng: Bà N đồng ý trả cho ông K số tiền nợ hui gồm gốc là 34.500.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh bà N rất khó khăn lại lớn tuổi, thu nhập không ổn định nên bà N đề nghị ông K cho trả dần số nợ theo cách thức mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Do pháp luật không quy định việc trả dần và nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[4] Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phương K là có căn cứ chấp nhận một phần nên buộc bà Hồ Thị N trả cho ông K số nợ còn thiếu là 34.804.041 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông K về việc yêu cầu bà N trả số tiền nợ hui 16.195.959 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Phương K và bà Hồ Thị N là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí theo Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 288, 471, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phương K đối với bà Hồ Thị N về tranh chấp nợ hui.

Buộc bà Hồ Thị N phải trả cho ông Nguyễn Phương K số tiền hui gốc của đây hui mở ngày 30/7/2019 và mở ngày 10/7/2020 là 34.500.000 đồng và tiền lãi là 304.041 đồng, tổng cộng là 34.804.041 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phương K đối với bà Hồ Thị N về yêu cầu trả số tiền nợ hui là 16.195.959 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Phương K và bà Hồ Thị N được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn